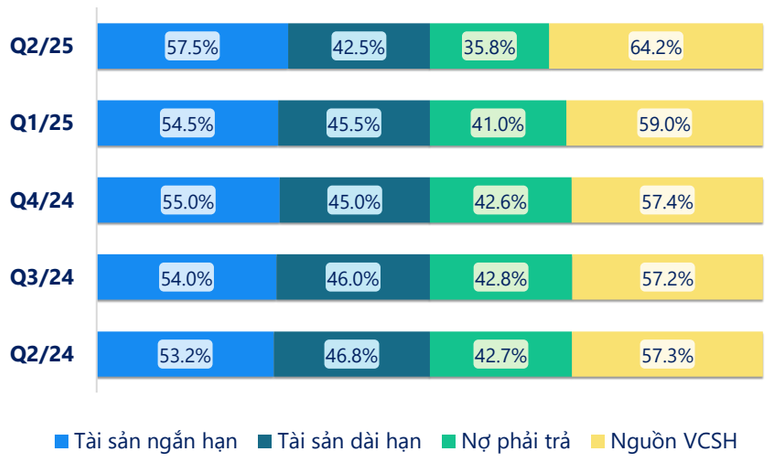
FireAnt

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,910
SL cổ phiếu LH	95,935,049
KLGD BQ 20 phiên (CP)	994,050
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,449
P/E	39.3
EPS	384

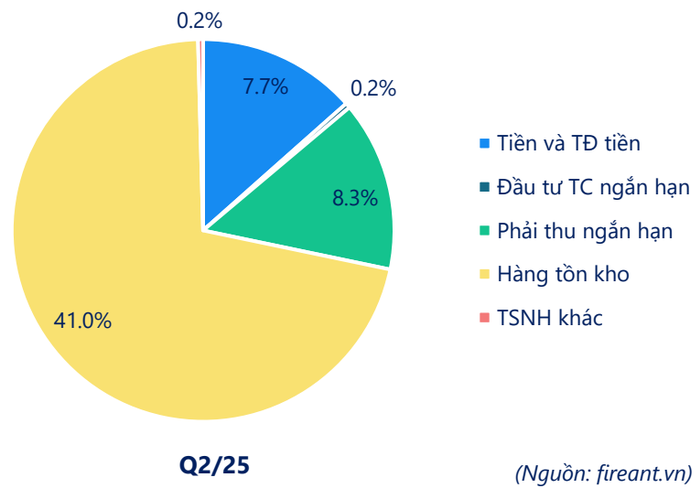
	YTD	1T	3T	6T
ITC	37.3%	-2.3%	30.2%	39.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



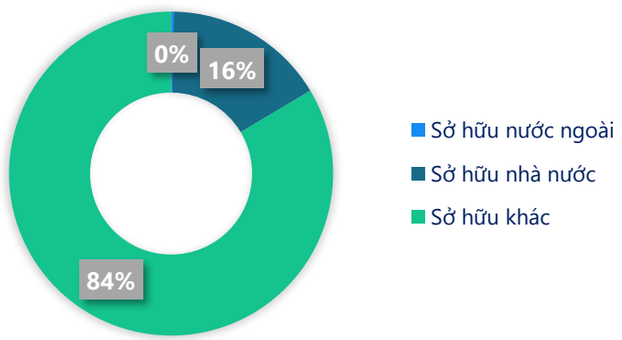
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



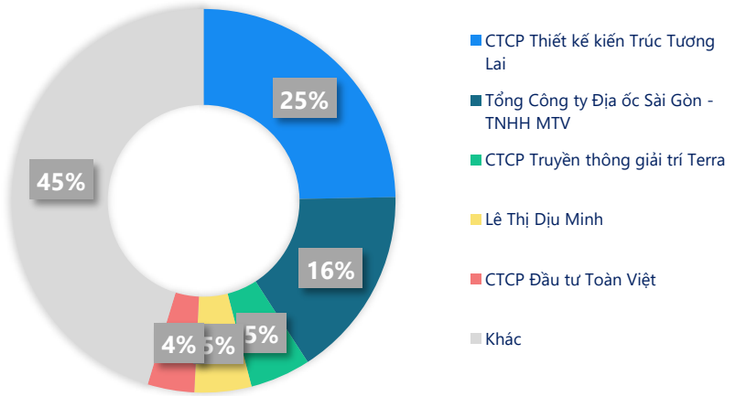
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



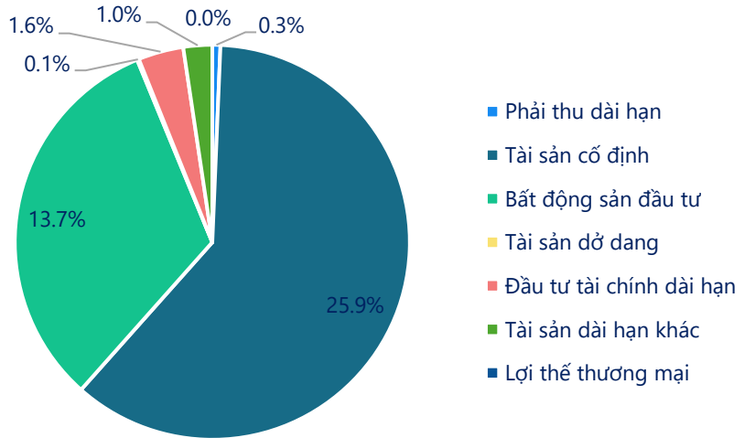
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

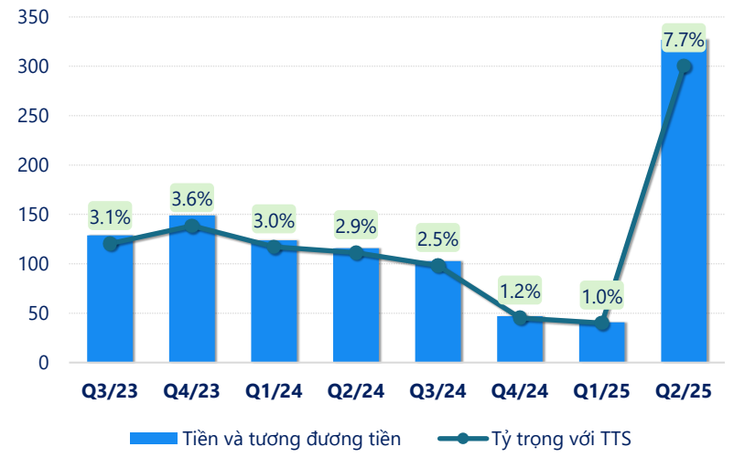


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

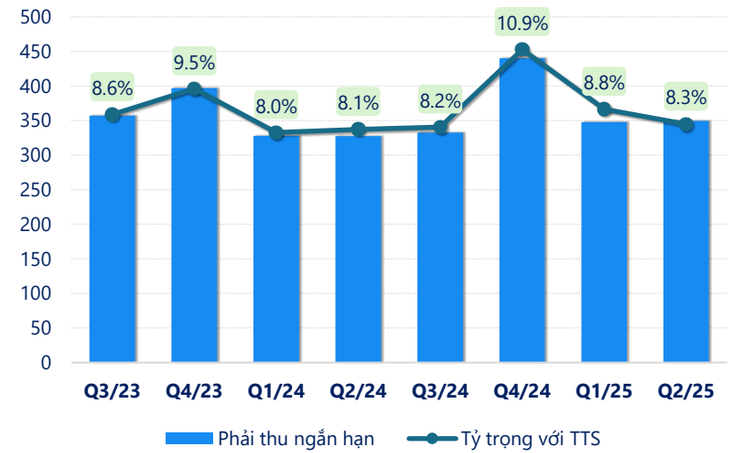
CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



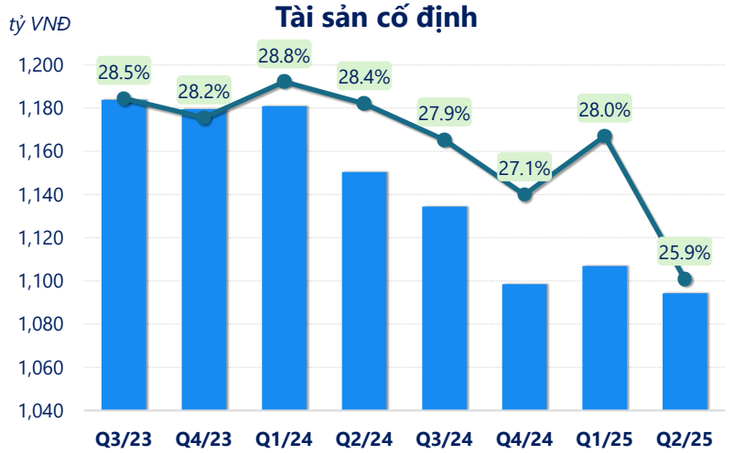
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



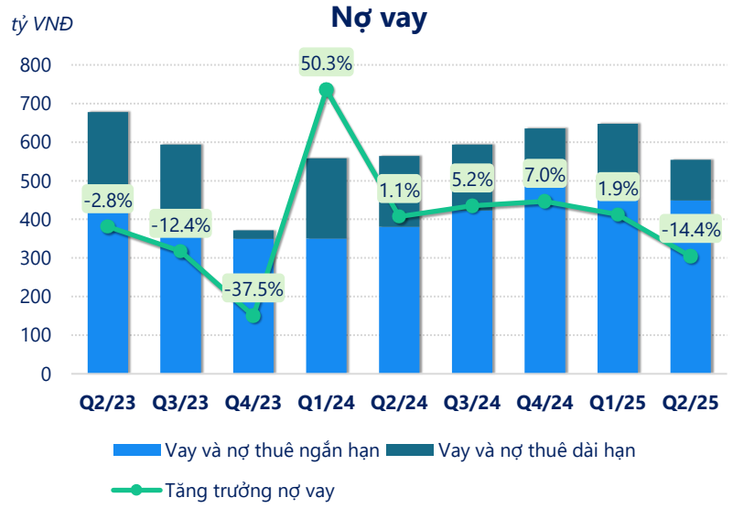
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



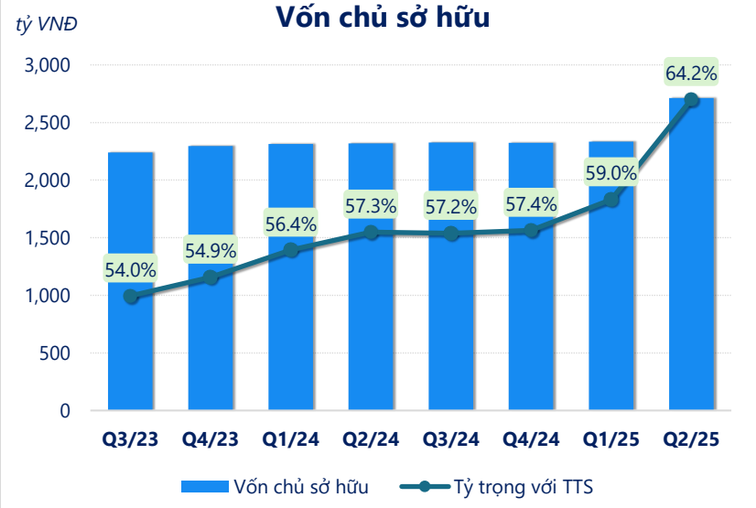
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

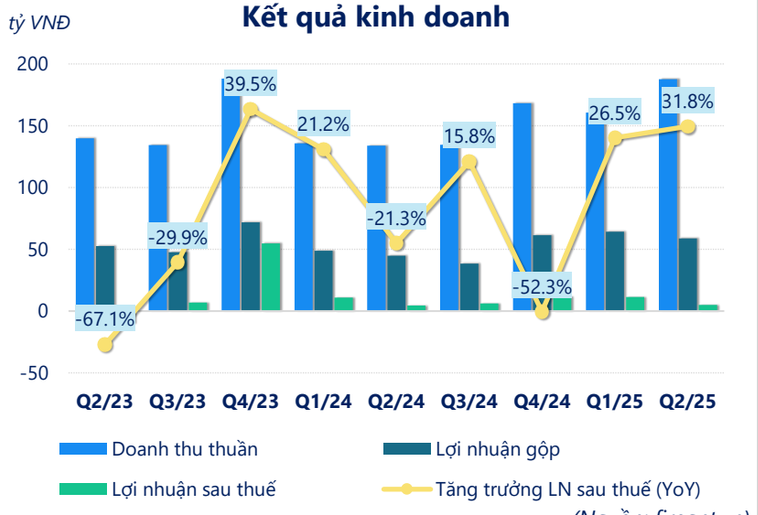


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

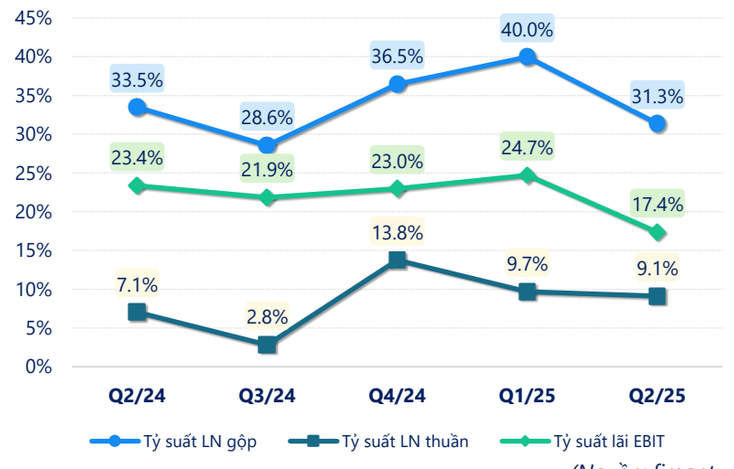
CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

Kết quả kinh doanh



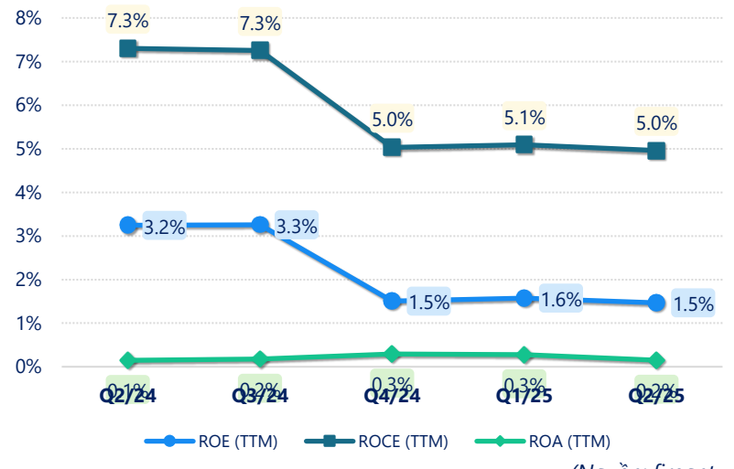
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



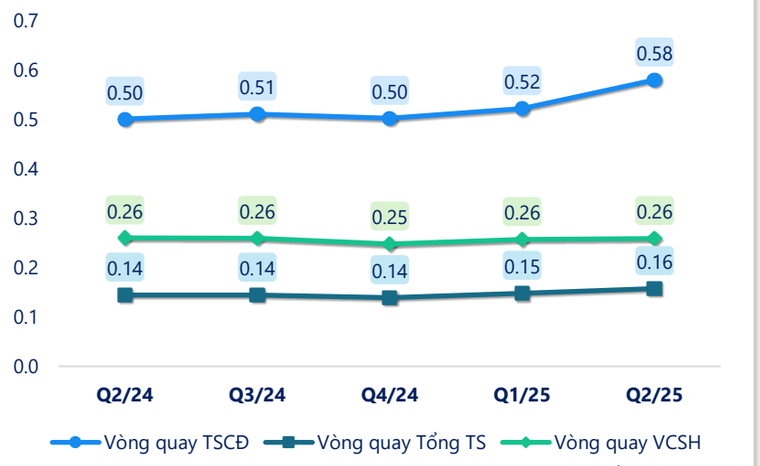
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



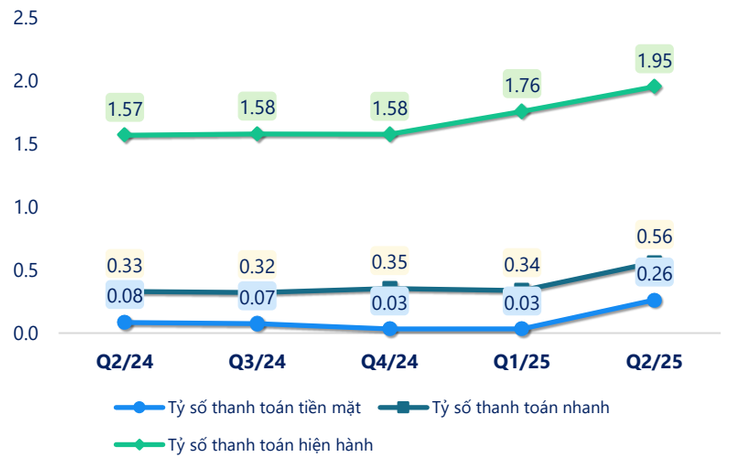
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



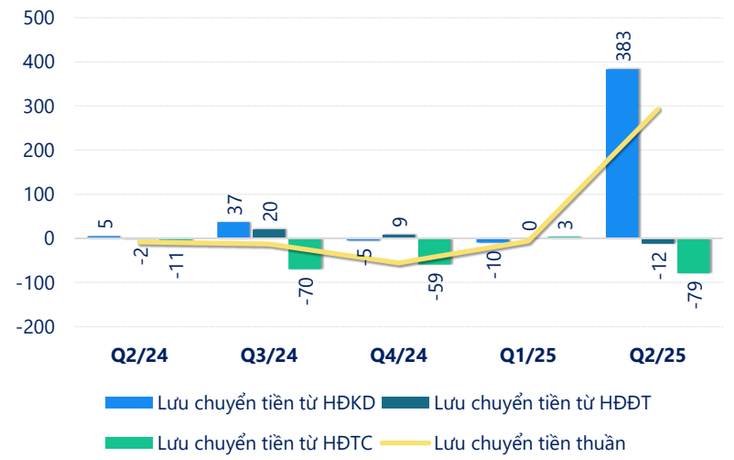
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Đầu tư - Kinh doanh Nhà (HSX: ITC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,225**	**3,988**	**5.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,428	2,165	12.2%
Tiền và tương đương tiền	327	40.5	706%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.2	6.40	59.4%
Phải thu ngắn hạn	350	374	-6.4%
Hàng tồn kho	1,731	1,732	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	11.9	-13.7%
Tài sản dài hạn	**1,796**	**1,823**	**-1.5%**
Phải thu dài hạn	11.9	19.9	-40.3%
Tài sản cố định	1,094	1,108	-1.2%
Bất động sản đầu tư	579	587	-1.5%
Tài sản dở dang	2.68	2.16	24.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	66.7	61.2	8.9%
Tài sản dài hạn khác	**42.4**	**44.9**	**-5.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,512	1,666	-9.2%
Nợ ngắn hạn	**1,243**	**1,306**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	449	445	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	103	121	-15.5%
Nợ dài hạn	269	359	-25.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	105	185	-43.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,712**	**2,323**	**16.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,712**	**2,323**	**16.8%**
Vốn điều lệ	964	964	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	134	135	168	161	188
Giá vốn hàng bán	89.0	96.2	107	96.4	129
Lợi nhuận gộp	44.8	38.5	61.3	64.2	58.8
Doanh thu HĐTC	0.31	0.14	0.06	0.01	0.07
Chi phí TC	19.9	18.7	19.0	24.4	16.7
Chi phí lãi vay	19.9	17.5	17.2	21.4	18.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	-0.57
Chi phí bán hàng	1.45	1.82	4.14	5.46	4.55
Chi phí QLDN	14.2	14.3	15.1	18.7	19.9
LN thuần từ HĐKD	9.44	3.80	23.1	15.5	17.1
Lợi nhuận khác	1.85	8.09	-1.77	2.70	-3.11
LN trước thuế	11.3	11.9	21.4	18.2	14.0
Lợi nhuận sau thuế	4.42	6.12	11.8	11.4	4.87
LNST của CĐ cty mẹ	6.05	7.23	12.1	11.2	6.34

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.03	36.6	-5.00	-9.60	383
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.46	20.3	8.58	0.01	-12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.7	-70.0	-59.3	3.41	-79.0
Tiền đầu kỳ	124	116	103	46.9	40.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.11**	**-13.0**	**-55.8**	**-6.18**	**292**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.10	0.01	0	0
Tiền cuối kỳ	116	103	47.0	40.8	327

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic